

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI MỐT: TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát cho đến trong mộng không tham địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật cũng không tham ba cõi, tuy quán các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như sóng nẩy, như hóa cũng không thủ chứng. Tu-bồ-đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy Phật thuyết pháp cho số trăm ngàn vạn ức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Khẩn-na-la v.v...; theo Phật nghe pháp liền hiểu đúng nghĩa, thực hành theo pháp, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy Phật ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, có hào quang lớn, vọt lên giữa hư không, thuyết pháp cho đại Tỳ-kheo Tăng; hiện thần lực lớn, hóa làm hóa như đi đến quốc độ Phật khác thi hành Phật sự. Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong mộng thấy binh lính nổi lên phá làng xóm, hoặc thấy phá thành ấp hoặc thấy hỏa hoạn, hoặc thấy loài hổ lang sư tử dữ mãnh sát hại, hoặc thấy người muốn đến cướp cho cái đầu họ, hoặc thấy cha mẹ chết, anh em, chị em, và thân hữu tri thức chết, thấy các việc sâu khổ như vậy, mà không kinh, không sợ, cũng không ưu não, từ mộng thức dậy liền suy nghĩ: “Ba cõi hư dối đều như mộng! Khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ vì chúng sanh nói ba cõi như mộng.” thì này Tu-bồ-đề! nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Làm sao biết Bồ-tát chẳng thoái chuyển ấy khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong nước không có ba đường ác? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong mộng thấy cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ liền nghĩ rằng: “Ta sẽ siêng tinh tấn, khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến trong nước ta không có ba đường ác. Vì sao? Vì mộng ấy và các pháp không hai không khác”, thì này Tu-bồ-đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sanh, liền thể rằng: Nếu ta thực là bậc chẳng thoái chuyển, thời lửa ấy sẽ tắt! Lửa ấy liền tắt; nếu lửa địa ngục liền tắt thời đó là tướng trạng của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trong ban ngày thấy lửa nổi lên giữa thành quách, liền nghĩ rằng: Ta ở trong mộng, thấy hành, loại, tướng, mạo

chẳng thoái chuyển, nay ta thực có việc ấy, tự lập thệ rằng: Lửa ấy sẽ tắt. Nếu lửa ấy tắt thì nên biết Bồ-tát ấy đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, an trú địa vị chẳng thoái chuyển. Nếu lửa không tắt, thì đốt một nhà, chữa một nhà, đốt một làng, chữa một làng. Nay Tu-bồ-đề! Nên biết nhà bị đốt là vì nhân duyên của nghiệp phá pháp sâu dày. Vì thế nên đốt một nhà chữa một nhà, ấy là các chúng sanh đời nay chịu dư ương của nghiệp phá pháp nên bị đốt. Nay Tu-bồ-đề! Do nhân duyên ấy, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nay sẽ lại vì ông nói hành, loại, tướng, mạo của địa vị chẳng thoái chuyển. Nay Tu-bồ-đề! Hoặc nam tử, hoặc nữ nhơn bị hàng phi nhơn cầm giữ, khi ấy hàng Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm ta thanh tịnh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành chánh đạo thanh tịnh, xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, xa lìa niệm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, nên sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng phải không được; vô lượng chư Phật hiện tại trong mười phương quốc độ, không có điều gì không biết, không thấy, không hiểu, không chứng. Chư Phật biết thâm tâm của ta, thẩm định biết ta chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do thệ nguyện chí thành ấy nên thiện nam thiện nữ kia bị hàng phi nhơn cầm giữ, náo hại, thì hàng phi nhơn ấy sẽ rời bỏ đi xa. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thệ nguyện như vậy, hàng phi nhơn không bỏ đi, thì nên biết Bồ-tát ấy chưa được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy thệ nguyện như vậy, nếu hàng phi nhơn bỏ đi, thì nên biết Bồ-tát ấy đã được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Do hành, loại, tướng mạo như vậy nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát xa lìa sáu Ba-la-mật và sức phương tiện, không tu hành lâu bốn niệm xứ cho đến không, vô tướng, vô tác tam-muội, chưa vào Bồ-tát vị, bị ma quấy nhiễu, Bồ-tát thề rằng: Nếu ta thật được chư Phật thọ ký thì hàng phi nhơn ấy sẽ bỏ đi. Khi ấy ác ma liền khéo léo bảo kẻ phi nhơn bỏ đi. Ác ma có uy lực hơn hàng phi nhơn nên kẻ phi nhơn liền bỏ đi. Khi ấy Bồ-tát nghĩ rằng vì nguyện lực của ta nên kẻ phi nhơn bỏ đi.

Vì không biết đó là do sức của ác ma, mà ỷ thị vào chứng cứ ấy nên khinh động, chê bai các Bồ-tát khác nói rằng: “Ta đã được chư Phật thọ ký, còn người chưa được”. Dùng lời thề trống không ấy, không có sức phương tiện tu tập, nên sinh ra tăng thượng mạn. Vì việc ấy nên xa lìa Nhất thiết trí, xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy rơi vào hai địa vị hoặc Thanh văn, Bích-chi Phật, do

nhân duyên của lời thề ấy nên khởi lên ma sự. Người ấy không thân cận, nương tựa thiện tri thức, không hỏi tướng trạng của chẳng thoái chuyển, nên bị ma trói buộc, càng thêm bền chắc. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không tu hành lâu sáu Ba-la-mật, không có sức phương tiện. Nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Tại sao Bồ-tát không tu hành lâu sáu Ba-la-mật cho đến chưa vào Bồ-tát vị, bị ác ma quấy nhiễu? Này Tu-bồ-đề! Ác ma biến hóa thành nhiều thân đến nói với Bồ-tát rằng: “Người ở chỗ Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tên người, tên cha người như vậy, tên mẹ người như vậy, tên anh em, chị em như vậy, tên cha mẹ bảy đời của người như vậy, người sanh ở nước ấy, thành ấy, xóm làng ấy”. Nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh nhu hòa liền nói tiếp với Bồ-tát rằng: Người đời trước cũng nhu hòa; nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh bạo ngược liền nói: Người đời trước cũng có tánh như vậy; nếu thấy Bồ-tát tu hành tịch tịnh thì liền nói: Người đời trước cũng tu hạnh tịch tịnh; nếu thấy Bồ-tát mặc áo vá đi khát thực, sau giờ Ngọ không uống thức ăn lỏng, một lần ngồi ăn, một bình bát xin ăn nơi người khác, nghỉ ở giữa gò mả, ở chỗ đất trống, dưới cây, thường ngồi không nằm, như trải tòa ngồi, chỉ dùng ba y, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ, hoặc ở chỗ xa làng xóm, hoặc không dùng dầu xoa chân, hoặc ít nói năng, liền nói với Bồ-tát ấy rằng: Người đời trước cũng có hạnh như vậy. Vì sao? Vì người nay có công đức khổ hạnh ấy nên biết người đời trước cũng chắc chắn có công đức ấy. Bồ-tát ấy nghe việc và tên họ đời trước của mình, nghe tán thán công đức khổ hạnh của mình, liền vui mừng sanh tâm kiêu mạn. Khi ấy ác ma nói với Bồ-tát rằng: Người có công đức như vậy, có tướng mạo như vậy, thật người đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ác ma hoặc làm Tỳ-kheo mặc áo pháp, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm thân cha mẹ đi đến chỗ Bồ-tát nói như vậy: Người đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng trạng công đức của bậc chẳng thoái chuyển, người đã có đầy đủ. Này Tu-bồ-đề! Ta đã nói Bồ-tát ấy vĩnh viễn thật không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển. Nên biết Bồ-tát ấy bị ma cầm giữ. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì nghe danh tự nên sinh tâm kiêu mạn, khinh lộng chê bai người khác, Này Tu-bồ-đề! Ấy là Bồ-tát bị ma cầm giữ, nên biết đó là ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không tu hành lâu sáu Ba-la-mật, không biết tướng danh tự, không biết tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ác ma đi đến nói rằng: Tương lai ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có tên gọi như vậy, tùy theo bốn niệm người kia mà nói lên danh hiệu của nó. Vì Bồ-tát không có trí, không có phương tiện liền nghĩ rằng: Ta đời trước cũng có danh hiệu thành Phật, người kia nói đúng như ý

nghĩ của ta, lời người kia nói hợp với bản nguyện của ta, ta chắc chắn đã được Phật thọ ký. Nay Tu-bồ-đề! Ta đã nói Bồ-tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì chấp lấy danh tự suông mà khinh lộng chê bai người khác, vì thế nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, tương đắc với ác tri thức, nên rơi vào hai địa vị Thanh văn và Bích-chi Phật. Nếu nhiều lần qua lại trong đường sanh tử, vậy sau trở lại nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc gặp thiện tri thức thường theo dõi, thân cận, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy ở ngay thân này, nếu không hối cải liền, thì sẽ rơi vào hai địa vị hoặc A-la-hán hoặc Bích-chi Phật.

Thí như Tỳ-kheo đối với bốn trọng giới, nếu phạm một giới tức chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử. Người ấy hiện thân không được bốn quả Sa-môn. Nay Tu-bồ-đề! Tâm của Bồ-tát đắm vào danh tự suông cũng như vậy, vì khinh lộng chê bai người khác, nên biết tội ấy nặng hơn tội phạm bốn trọng giới của Tỳ-kheo, hơn nữa còn quá hơn tội ngũ nghịch. Vì đắm vào danh tự mà sanh tâm cao ngạo, khinh lộng chê bai người khác, nếu sanh tâm như vậy, nên biết tội ấy rất nặng, các ma sự vi tế về danh tự như vậy, hàng Bồ-tát nên giác tri.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở nơi chỗ xa vắng, không nhàn, núi đầm, ma đi đến chỗ Bồ-tát, khen ngợi việc ở xa lìa xóm làng ấy rằng: “Thiện nam tử! Việc ngươi làm đúng theo lời Phật khen ngợi”. Nay Tu-bồ-đề! Ta không khen ngợi xa lìa là chỉ ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khoáng đạt xa xôi.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khoáng đạt xa xôi không phải là cách xa lìa, vậy lại có cách xa lìa khác thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật mà ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi đầm, khoáng đạt xa xôi thì đó là cách xa lìa được Phật khen ngợi. Nay Tu-bồ-đề! Cách xa lìa như vậy, Bồ-tát nên phải ngày đêm thực hành các xa lìa ấy, đó gọi là Bồ-tát tu hạnh xa lìa. Nay Tu-bồ-đề! Nếu ác ma nói cách xa lìa là ở chỗ trống không nhàn tịnh, núi đầm, khoáng đạt xa xôi, thì Bồ-tát đó tâm vẫn ở chỗ huyên não là vì không xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, không siêng tu Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát ấy không thể đầy đủ trí Nhất thiết chủng. Bồ-tát ấy hành theo cách xa lìa của ác ma nói, nên tâm không thanh tịnh, khinh khi Bồ-tát khác ở gần thành thị mà tâm thanh tịnh, khinh khi không có sự huyên não của Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng không có các tâm tạp ác khác, được đầy đủ thiên định, giải thoát, trí tuệ, thần thông. Bồ-tát lìa Bát-nhã Ba-la-mật không có sức phương tiện, thì tuy ở chỗ cách xa cầm thú, quỷ thần, la sát ở, ngoài trăm ngàn

do tuần, trải qua hoặc một năm, trăm ngàn vạn ức năm, hoặc quá vạn ức năm mà không biết cách xa lìa của Bồ-tát, đó là Bồ-tát dùng cách xa lìa ấy, mà thâm tâm phát nguyện được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, không hành hạnh tạp thì Bồ-tát ấy vẫn tu ở chỗ huyền não nương tựa, đấm trước, cách xa lìa của người ấy, Phật không chấp thuận.

Này Tu-bồ-đề! Ta nói cách xa lìa thật là Bồ-tát không ở trong đó cũng không thấy tướng “xa lìa”. Vì sao? Vì chỉ thực hành hạnh không “xa lìa”. Khi ấy ma đến ở giữa hư không khen ngợi rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Đó là cách xa lìa chân chánh của Phật nói, người thực hành hạnh xa lìa ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” Bồ-tát ấy nghe như vậy, khởi niệm đấm trước hạnh xa lìa mà khinh dễ các Tỳ-kheo thanh tịnh cầu Phật đạo cho là huyền não, lấy huyền não làm không huyền não, lấy không huyền não làm huyền não, nên cung kính lại không cung kính, không nên cung kính lại cung kính. Bồ-tát ấy nói rằng: “Kẻ phi nhơn nghĩ đến ta mà khen ngợi ta sở hành của ta là hạnh xa lìa chân chánh, còn người ở gần thành thị thì ai đến khen ngợi!” Do nhân duyên ấy nên khinh các Bồ-tát khác. Này Tu-bồ-đề! Nên biết đó là hạng Bồ-tát Chiên-đà-la làm ô nhiễm các Bồ-tát; người ấy tương tự Bồ-tát mà thật là giặc lớn giữa trời người, cũng là kẻ giặc trong hàng Sa-môn mặc áo pháp. Người như vậy, các người cầu Phật đạo không nên thân cận, không nên cúng dường cung kính. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nên biết người ấy đã rơi vào tăng thượng mạn. Thế nên nếu Bồ-tát muốn không bỏ Nhất thiết trí, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất tâm muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn lợi ích chúng sanh, thì không nên thân cận, cung kính, cúng dường người ấy. Vì người ấy cho rằng: Pháp của Bồ-tát là thường nên siêng cầu tư lợi, nhằm sợ thế gian, tâm thường xa lìa ba cõi. Đối với người ấy nên khởi tâm từ, bi, hỷ, xả, ta tu Bồ-tát đạo, không nên sinh các tội lỗi như vậy, nếu sinh hãy nên diệt gấp. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên khéo giác tỉnh việc ấy, đối với việc ấy khéo tự mình ra khỏi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thâm tâm muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường thiện tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các đức Phật là thiện tri thức Bồ-tát, các Bồ-tát cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, A-la-hán cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, sáu Ba-la-mật cũng là thiện tri thức của Bồ-tát, bốn niệm xứ cho đến

mười tám pháp không chung, cũng là thiện tri thức của Bồ-tát. Như như, thực tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Sáu Ba-la-mật là Thế Tôn, sáu Ba-la-mật là đạo, sáu Ba-la-mật là ánh sáng lớn, sáu Ba-la-mật là ngọn đuốc, sáu Ba-la-mật là cứu vớt, sáu Ba-la-mật là trí, sáu Ba-la-mật là tuệ, sáu Ba-la-mật là cứu vớt, sáu Ba-la-mật là chỗ về, sáu Ba-la-mật là gò bãi, sáu Ba-la-mật là đạo rốt ráo, sáu Ba-la-mật là cha mẹ. Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy. Vì sao? Vì sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng là cha mẹ của chư Phật quá khứ, cũng là cha mẹ của chư Phật vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo xuất sanh. Vì thế nên Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nên học sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo và bốn nhiếp pháp mà nhiếp thủ chúng sanh.

Những gì là bốn nhiếp pháp? Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Này Tu-bồ-đề! Vì sự lợi ích ấy nên ta nói sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn của Bồ-tát; là đạo, là ánh sáng lớn, là ngọn đuốc, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo, là cha mẹ của Bồ-tát. Do lẽ ấy nên Bồ-tát muốn không theo lời dạy của người khác, mà an trú muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sanh, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã Ba-la-mật nói rộng các pháp, đó là chỗ Bồ-tát nên học.

LUẬN: Hỏi: Trong phẩm “Chẳng thoái chuyển” đã nói rộng tướng trạng chẳng thoái chuyển, cơ sao nay nói lại?

Đáp: Nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật được nói đều là tướng trạng chẳng thoái chuyển, nhưng trong phẩm “Chẳng thoái chuyển” nói nhiều việc ấy; còn trong các phẩm khác cũng có nhiều chỗ nói tướng trạng chẳng thoái chuyển nhưng không có thứ lớp. Có người nói: Vì chúng sanh hậu lai mà nói tướng trạng chẳng thoái chuyển với lời lẽ khác. Có người nói:

Có hai thứ chẳng thoái chuyển:

1. Đã được thọ ký
2. Chưa được thọ ký.

Được thọ ký có hai:

1. Được thọ ký trong hiện tiền.
2. Không được thọ ký trong hiện tiền.

Không được thọ ký trong hiện tiền có hai:

1. Đầy đủ nhân duyên thọ ký.

2. Chưa đầy đủ nhân duyên thọ ký.

Đầy đủ nhân duyên thọ ký là biết thực tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba-la-mật; không đầy đủ nhân duyên thọ ký là chỉ biết thực tướng các pháp, được một phần Bát-nhã Ba-la-mật, còn các Ba-la-mật khác chưa đầy đủ. Bồ-tát ấy có thể đối đáp như Bồ-tát chẳng thoái chuyển, đây là tướng trạng chẳng thoái chuyển, được nói ở cuối phẩm trước. Thế nên thứ lớp nói: Trong mộng không tham hai địa Nhị thừa, nên tuy chưa đầy đủ pháp chẳng thoái chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển, như vậy nên trong phẩm này thứ lớp nói. Bồ-tát ấy trong ban ngày, thường tu tập “không” nên ban đêm ở trong mộng cũng không tham ba cõi; người ấy thường tu hành tâm từ bi đối với chúng sanh, ưa vui Phật pháp, nên không tham Nhị thừa, hoặc khi mộng, khi thức đều quán các pháp như mộng, như huyễn. Bồ-tát ấy tuy chưa được hiện tiền thọ ký, chưa đầy đủ các pháp khác, cũng được gọi là tướng trạng chẳng thoái chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát thoái chuyển ở hai nơi. 1. Đắm trước cái vui của thế gian nên thoái chuyển. 2. Thủ chứng Nhị thừa nên thoái chuyển. Còn Bồ-tát tâm kiên cố, sâu vào “không” và có tâm từ bi, nên cho đến trong mộng cũng không tham ba cõi, Nhị thừa, huống gì trong khi thức.

Lại nữa, nếu Bồ-tát trong mộng thấy Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng trời, người, đó là nghĩa thực tướng các pháp. Bồ-tát biết nghĩa ấy tâm hợp với pháp.

Lại nữa, Pháp bí mật của chư Phật, Bồ-tát trong mộng được thấy, đó là thấy thân Phật vô lượng quá núi Tu-di, sắc vàng Diêm-phù-đề, tự trang nghiêm với ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, phóng ra vô lượng hào quang, phạm âm thuyết pháp; lại từ lỗ chân lông trên thân, biến ra vô lượng hóa Phật đi đến mười phương dùng sức phương tiện, thi hành Phật sự, độ thoát chúng sinh. Bấy giờ Bồ-tát ấy thấy sức thần thông của Phật, nên thâm tâm trong sạch, hỏi Phật pháp, biết được thực tướng các pháp, ấy gọi là chẳng thoái chuyển. Bồ-tát ấy thường tập hành rất ráo không, nên các phiền não chấp ta và của ta bị bể mỏng, cho đến đối với tự thân không tiếc, huống gì kẻ thân thích khác. Vì nhân duyên ấy nên nếu trong mộng thấy hoặc tự thân, hoặc cha mẹ, hoặc bị giết, hoặc chết, và làng xóm bị phá hoại cũng không ưu não sợ hãi. Khi thức dậy suy nghĩ: Như trong mộng không chết mà thấy chết, không sợ mà thấy sợ, hết thấy ba cõi đều như vậy, chứ đâu chỉ trong mộng. Khi ta thành Phật sẽ vì chúng sanh nói các pháp rất ráo không, như mộng.

Lại nữa, có Bồ-tát khi gieo trồng nhân duyên về cõi nước thanh tịnh

nguyện rằng: “Ta trong bấy nhiêu thời gian nguyện chứa nhóm công hạnh làm cõi nước thanh tịnh.” Tu tập tâm ấy, nên trong mộng nếu thấy chúng sanh ba đường ác, liền được tâm này: Khi ta thành Phật khiến cõi nước ta cho đến không có danh tự ba đường ác.

Lại nữa, Bồ-tát thường tu tâm từ bi, nên trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sinh liền thề, lửa liền tắt; khi thức dậy giữ lấy tướng ấy, nếu thấy lửa thật đốt thành quách liền nghĩ rằng: Ta trong mộng có thể làm tắt lửa, thì lửa này cũng sẽ tắt. Vì cớ sao? Vì Phật nói cảnh mộng và thức không khác nhau. Do Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp tu tập phước đức, được thật tướng các pháp nên quý thần, long vương giúp đỡ làm tắt lửa. Trong đó có thứ lửa không tắt mà đốt cháy một nhà chừa một nhà, đó là vì chúng sinh tội nặng, sức phước đức và trí tuệ của Bồ-tát không thể dứt tội nặng ấy vì đó là tội phá pháp. Pháp đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Sự lợi ích của các pháp khác không sánh kịp Bát-nhã Ba-la-mật, thế nên phá Bát-nhã Ba-la-mật mắc tội nặng. Do sức thệ nguyện của Bồ-tát nên lửa không thứ lớp đốt cháy, chỉ vì tội nặng không thể cứu, chứ không ngại gì tướng trạng chẳng thoái chuyển. Bị kẻ phi nhờn cầm giữ cũng như lửa chú thuật. Có Bồ-tát chưa biết vô sinh pháp nhẫn, nghe nói đọc câu chú chẳng thoái chuyển, quý bỏ đi, liền đọc chú. Bồ-tát ấy tự mình chưa có sức, ác ma đến khiến quý thần bỏ đi, lại tự ý thị cho là do sức của mình. Vì có lỗi lầm như vậy nên Phật dạy phải giác tỉnh.

Lại nữa, Bồ-tát chưa vào chính vị, ác ma hiện các loại hình, theo tâm niệm của Bồ-tát đi đến nói rằng: Ông đã được thọ ký, ông có tướng ấy, chỉ vì mắt thịt nên không biết. Do nhân duyên đó, nên Bồ-tát sinh tâm tăng thượng mạn, khinh miệt người khác.

Lại nữa, Bồ-tát không ngộ được thực tướng các pháp, không biết nắm uẩn hòa hợp bền có ra tướng danh tự. Ác ma đi đến thọ ký cho rằng: “Ông sẽ làm Phật, danh tự như vậy.” Bồ-tát ấy suy nghĩ, ta vốn có ý nghĩ về danh tự ấy, nay ma nói đồng với sở nguyện của ta, chắc chắn chư Phật thọ ký cho ta như thế, nên sanh tâm kiêu mạn, khinh các đại Bồ-tát khác. Do nhân duyên ấy nên xa lìa đạo Vô thượng, khi chịu tội xong, lại rơi vào hàng Nhị thừa. Nếu ngay thân này biết sám hối, thì sau khi đền tội xong sẽ trở lại nương tựa Bát-nhã Ba-la-mật được làm Phật. Vì cớ sao? Nếu để qua thân khác mới sám hối thì tội càng nặng khó dứt, không được làm Phật. Tâm Bồ-tát ấy đắm trước vào danh tự suông, mắc tội nặng, nên Phật nói thí dụ về bốn trọng cấm; phá trọng cấm; phá trọng cấm ấy thì thân hiện tại không được thành bốn đạo quả. Vì sao? Vì trong bốn trọng cấm, tội đại vọng ngữ là tự xưng ta là A-la-hán; còn trong kinh

này, đấm trước theo danh từ thọ ký mà tự cho mình sẽ làm Phật, nên tội nặng hơn phạm bốn trọng cấm.

Quá hơn tội ngũ nghịch là, như trong phẩm Địa ngục đã nói về tội phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

Ma sự vi tế: Tế là không trái ý kia, tùy theo bản nguyện của người kia giúp thành tâm niệm họ; Bồ-tát ấy chưa đắc pháp chẳng thoái chuyển, bị ma dối gạt nói đã được; đó là ma sự vi tế. Hàng Bồ-tát lợi căn nên giác tỉnh trừ bỏ xa lìa.

Lại nữa, Bồ-tát ở chỗ xa lìa làng xóm, ác ma đi đến khen ngợi rằng: “Người có thể xa lìa thân tộc, bạn đồng học, một mình ở giữa rừng sâu, hành Phật đạo, ấy là đạo hạnh của vị chân Bồ-tát”. Bồ-tát nghe lời nói ấy sanh tâm kiêu mạn, khinh các Bồ-tát khác đang ở giữa đại chúng. Vì việc ấy nên xa lìa Phật đạo, rơi vào Nhị thừa. Phật dùng mọi cách, quở trách Bồ-tát ấy là giặc là Chiên-đà-la v.v... như trong kinh này nói, không nên thân cận hạng người ấy. Phật nói xa lìa là tâm xa lìa Nhị thừa, ba cõi, ấy là “chân xa lìa”. Như trong kinh nói rộng về các ma sự vi tế như vậy, hãy nên giác tỉnh mà xa lìa.

Lại nữa, Bồ-tát thâm tâm muốn cầu được đạo Vô thượng; thâm tâm là nhất tâm, là tâm chuyên nhất, tâm cẩn trọng, tâm ưa Phật đạo, vượt ra ngoài cái vui thế gian, nên thân cận thiện tri thức. Vì cố sao? Vì có hai nhân duyên được vô thượng đạo: 1. Trong. 2. Ngoài. Trong là nhớ nghĩ, tư duy, trừ lượng các pháp một cách đúng đắn; ngoài là thiện tri thức. Phật ở nhiều nơi nói về tướng mạo thiện tri thức, thế nên Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát?” Phật đáp: “Chư Phật, đại Bồ-tát và Thanh văn là thiện tri thức của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết chủng, như như, pháp tánh, thực tế cũng là thiện tri thức.” Vì các pháp ấy có thể làm thành tựu sự việc Bồ-tát nên nói sáu Ba-la-mật v.v... là thiện tri thức. Ba hạng Thánh như lấy sáu Ba-la-mật ấy, khiến Bồ-tát phụng hành, được làm Phật. Thế nên pháp và người, chung gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Phật và Bồ-tát, sáu Ba-la-mật có thể làm thành Bồ-tát nên là thiện tri thức, còn Tiểu thừa đạo thì khác, làm sao cùng làm thiện tri thức được?

Đáp: Có người Tiểu thừa đời trước cầu Phật đạo nên có lợi căn, tuy là Tiểu thừa mà có tâm thương xót, xem xét họ có thể thành Đại thừa nên vì họ nói pháp Đại thừa, biết báo ân Phật, khiến cho giống Phật không dứt. Như Xá-lợi-phất trong sáu mươi kiếp cầu Phật đạo, tuy thoái chuyển là A-la-hán, nhưng cũng có trí tuệ lợi căn có thể vì hàng Bồ-tát

nói pháp Đại thừa. Tu-bồ-đề thường tu hạnh vô tánh tam-muội, thường có tâm từ bi đối với chúng sanh nên cũng có thể giáo hóa hàng Bồ-tát về pháp Đại thừa. Như Ma-ha Ca-diếp dùng sức thần thông duy trì thân này cho đến ngày Phật Di-lặc ra đời, ở núi Cửu-túc đi ra, làm nhân duyên đắc đạo cho đại chúng. Những việc như vậy rất nhiều.

Hỏi: Sáu Ba-la-mật thu nhiếp hết các pháp, sao nay còn nói riêng ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến “như như, pháp tánh, thật tế”?

Đáp: Sáu Ba-la-mật là nói lược, bốn niệm xứ v.v... là nói rộng, giải thích sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật là sơ đạo của Bồ-tát, hơi xa, còn ba mươi bảy pháp trợ đạo là nhân duyên gần. Trong sáu Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật rất lớn; thí như tuy có nhiều sao sáng, mà mặt trời, mặt trăng sáng hơn. Trong hai Ba-la-mật ấy, bốn niệm xứ và mười trí lực của Phật rất thù diệu, có thể làm lợi ích lớn, hiện đời làm cho người ta đắc đạo, còn trì giới, bố thí v.v... không sánh bằng. Nói riêng về pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, vì là chân thật không hư dối, nên có thể thành Bồ-tát sự. Tu bốn niệm xứ, ngộ được như như, pháp tánh khiến Bồ-tát ra khỏi hư dối nên gọi là thiện trí thức.

Lại nữa, sáu Ba-la-mật như Phật không khác, hiện tại Phật dùng pháp ấy độ người, nên gọi là Thế Tôn. Lời Thế Tôn nói không thể hoại, lời của sáu Ba-la-mật nói cũng không thể hoại, thế nên nói sáu Ba-la-mật là Thế Tôn. Đó là đạo, tu theo đạo ấy đi thẳng vào vô lượng Phật pháp. Những lời nói trong sáu Ba-la-mật, người biết trừ lượng tư duy phân biệt thường tu hành thì được trí tuệ lớn, phá các vô minh thế gian, thế nên nói sáu Ba-la-mật là ánh sáng lớn, là đức lớn, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo như trên nói.

Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ, năm Ba-la-mật kia là cha hợp lại nói sáu Ba-la-mật là cha mẹ, như sáu Ba-la-mật nói về bốn niệm xứ cũng như vậy. Trong kinh này nói nhân duyên sáu Ba-la-mật cũng là cha mẹ của chư Phật mười phương ba đời. Sáu Ba-la-mật là pháp tự lợi. người tu hành muốn lấy sáu Ba-la-mật giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, nên lấy bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh. Tự lợi, lợi tha như vậy nên Phật nói sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn, là đạo. Thế nên Bồ-tát nếu muốn không tùy theo giáo lý khác mà muốn không tùy theo giáo lý khác thì tự biết thực tướng các pháp, cho đến gặp ma biến làm thân Phật đi đến nói khác với pháp thực tướng cũng không tin, không theo. Tự được Bồ-tát đạo, dần dần đầy đủ Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được Phật đạo nên có thể dứt nghi lầm cho chúng sinh; nếu muốn được đạo ấy nên học Bát-

nhã. Trong Bát-nhã Ba-la-mật nói đủ các việc thế gian, xuất thế gian, hoặc lớn hoặc nhỏ.

⑨